BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THI

Năm học: 2026 - 2027 **Bài thi:**
Phòng thi: Giải tích 1 - N51 - A1
Ngày thi: 12/11/2026 Ca thi: (09:30 - 12:00)
CBCT1: Nguyễn Thế Vinh

STT	Mã SV	Họ và tên	Mã đề	Điểm trắc nghiệm	Điểm tổng
1	264032210	Đỗ Nhật Anh	2606	7.20	---
2	264002211	Lê Đức Anh	26109	6.40	---
3	265513409	Nguyễn Đình Nguyên Anh	2662	8.40	---
4	264012212	Nguyễn Hữu Hoàng Anh	2659	8.00	---
5	264032213	Nguyễn Việt Anh	2630	7.60	---
6	264002214	Đào Xuân Bách	2605	8.40	---
7	264032215	Nguyễn Xuân Bách	2679	5.60	---
8	264002216	Hoàng Hữu Gia Bảo	2638	8.40	---
9	264022217	Đặng Việt Cường	2603	8.00	---
10	264002218	Lê Mạnh Dũng	26135	9.20	---
11	264012219	Hoàng Đức Duy	2687	8.40	---
12	264002220	Trần Thái Đạt	2660	8.80	---
13	264022221	VŨ NGỌC ĐẠT	26196	9.20	---
14	264002222	LÊ MẠNH ĐOÀN	2676	10.00	---
15	264002223	Bùi Minh Đức	2681	8.80	---
16	264022224	Nguyễn Hiền Giang	26121	6.40	---
17	264032225	Lê Mạnh Hà	26159	8.00	---
18	264012226	Đỗ Quang Hiếu	26183	8.00	---
19	264022227	Lều Thọ Hiếu	2634	8.80	---
20	264002228	Trần Trung Hiếu	2684	7.20	---
21	264032229	Đinh Công Trần Hoàn	26165	6.40	---
22	264032230	Nghiêm Đình Hoàng	2648	9.60	---
23	264032231	Nguyễn Huy Hoàng	2683	9.60	---
24	264032232	Nguyễn Minh Hoàng	2654	8.80	---
25	264032233	Nguyễn Mạnh Hùng	2694	8.80	---
26	264032234	Nguyễn Anh Huy	2620	7.20	---
27	264032235	Nguyễn Gia Huy	2637	10.00	---
28	264032236	NGUYỄN QUANG HUY	2655	8.00	---
29	264032237	Phạm Quang Huy	2665	6.00	---

STT	Mã SV	Họ và tên	Mã đề	Điểm trắc nghiệm	Điểm tổng
30	264002238	Vũ Đức Huy	26101	9.60	---
31	264022239	Phạm Quang Hưng	2667	8.80	---
32	264002240	HOÀNG DUY KHÁNH	26160	8.40	---
33	264002241	Nguyễn Minh Khánh	26134	8.80	---
34	264032242	Nguyễn Quốc Khánh	2699	7.60	---
35	264032243	Vũ Văn Khởi	26189	8.40	---
36	264012244	Đỗ Đức Duy Lâm	26129	7.60	---
37	264032246	Nguyễn Tuấn Lâm	2671	8.40	---
38	264032245	Nguyễn Trần Khánh Lâm	2610	4.80	---
39	264002247	Nguyễn Khắc Mậu	26172	8.80	---
40	264002248	Lê Gia Minh	26118	8.80	---
41	264012249	Nguyễn Quang Minh	26175	7.60	---
42	264012250	Nguyễn Tuấn Minh	2636	6.80	---
43	264002251	Phạm Hướng Minh	2678	8.00	---
44	264032252	Trần Hoài Nam	2625	9.20	---
45	264032253	Nguyễn Tất Tường Nguyên	26193	9.20	---
46	264002254	Vũ Khôi Nguyên	26161	9.20	---
47	264032255	Nguyễn Cảnh Nhàn	2624	8.00	---
48	264032256	PHAN QUY PHAT	26127	9.60	---
49	264022258	Nguyen Tuan Phong	2616	8.40	---
50	264012257	Nguyễn Thế Phong	2622	7.20	---
51	264002259	Phạm Xuân Phong	26105	8.80	---
52	264012260	Đỗ Minh Phú	26115	6.80	---
53	264032261	Hoàng Minh Phú	26131	7.20	---
54	264002262	Đặng Văn Phúc	26182	9.20	---
55	264002263	Nguyễn Hồng Phúc	26186	6.40	---
56	264032264	Lương Hữu Quang	2680	7.20	---
57	264002265	Nguyễn Nhật Quang	26195	7.60	---
58	264032266	Phan Duy Quang	26141	10.00	---
59	264032267	Trần Vinh Quang	26149	8.40	---
60	264032268	Chu Hoàng Quân	2691	8.80	---
61	264032269	Nguyễn Quốc Quân	26132	7.20	---
62	264002270	Đinh Thế Quyền	26151	8.80	---
63	264002271	Nguyễn Hoàng Sơn	26142	8.40	---
64	264022272	Đỗ Tấn Tài	26104	8.80	---
65	264022273	Kiều Minh Tân	26166	8.80	---
66	264032277	Phan Văn Tiến	2643	8.00	---
67	264032278	Vũ Ngô Minh Tiệp	2685	9.60	---
68	264002281	Nguyễn Xuân Tuân	2631	8.40	---
69	264022282	Nguyễn Anh Tuấn	2647	9.20	---

STT	Mã SV	Họ và tên	Mã đề	Điểm trắc nghiệm	Điểm tổng
70	264032283	Nguyễn Ngọc Tuấn	26124	8.00	---
71	264032284	Trần Lâm Tùng	26128	8.80	---
72	264032285	Đinh Văn Tuyên	2635	6.40	---
73	264002274	Đặng Đình Thành	26198	9.20	---
74	264032275	Nguyễn Ngọc Thiện	2674	8.80	---
75	264032276	Hoàng Đức Thịnh	26157	10.00	---
76	264012279	Hà Thọ Minh Trung	2673	9.20	---
77	264032280	Bùi Công Trứ	26200	9.20	---
78	264032286	Nguyễn Anh Việt	26122	6.80	---
79	264002287	Đỗ Lân Vũ	26125	9.60	---
80	264002288	Nguyễn Minh Vũ	26170	9.60	---
81	264022289	Trần Anh Vũ	26197	8.80	---

Hà Nội, ngày 12 tháng 11 năm 2026

Trưởng ban chấm thi

Người lập bảng